TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Quyết định giám đốc thẩm
Số: 296/2022/DS-GĐT
Ngày 28-11-2022
V/v tranh chấp về thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Khoa

Các Thẩm phán: Ông Phan Thanh Tùng

Bà Huỳnh Thanh Duyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Anh Quân, Thẩm tra viên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Kim Đoạn, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 28 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án dân sự về "Tranh chấp về thừa kế tài sản" giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*:

1. Ông Ngô Văn Đ, sinh năm 1966;

2. Bà Hồ Thị T, sinh năm 1967;

Cùng địa chỉ: Khu phố A, phường C, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Hồ Thị T: Ông Ngô Văn Đ, sinh năm 1966.

- *Bị đơn*: Ông Ngô Văn T1, sinh năm 1970; Địa chỉ: Ấp S, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Ngô Trọng N, sinh năm 1992; Địa chỉ: Số nhà C, khu phố A, phường C, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo ủy quyền của ông N: Ông Ngô Văn Đ, sinh năm 1966.

2. Bà Ngô Ngọc L, sinh năm 1994; Địa chỉ: Số nhà C, khu phố A, phường C, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

3. Bà Nguyễn Thị Thái P, sinh năm 1991; Địa chỉ: Số A, khu phố E, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Bà Nguyễn Thị Thái D, sinh năm 1989; Địa chỉ: Số nhà B, đường H, khu phố A, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Bà Nguyễn Thị Thái P1, sinh năm 1987; Địa chỉ: Số nhà F, ấp V, xã L, huyện B, tỉnh Long An.

6. Bà Phạm Thị O, sinh năm 1969; Địa chỉ: Khu phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

7. Bà Đỗ Thị T2, sinh năm 1954; Địa chỉ: Ấp S, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương.

8. Ông Ngô Anh D1, sinh năm 1973; Địa chỉ: Khu phố A, phường C, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

9. Ông Nguyễn Văn L1, sinh năm 1968; Địa chỉ: Khu phố A, phường C, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

10. Bà Ngô Thị P2 (P3), sinh năm 1941; Địa chỉ: Khu phố A, phường C, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

11. Bà Ngô Thị R, sinh năm 1978; Địa chỉ: Xã B, huyện B, tỉnh Bình Dương.

12. Bà Ngô Thị P4, sinh năm 1982; Địa chỉ: Khu phố A, phường C, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

13. Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Thái Thanh B – Chức vụ: Chủ tịch.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Ngô Văn Đ trình bày:

Bà nội của ông Đ là cụ Đỗ Thị M, sinh năm 1919 (chết ngày 07/02/2010), ông nội của ông Đ là cụ Ngô Văn T3 (chết năm 1979). Cụ Theo và cụ M có 01 người con chung tên là Ngô Văn C (là cha ông Đ, chết ngày 24/8/1974). Ông C có vợ là bà Ngô Thị P2 và có 03 người con chung là ông Ngô Văn Đ, ông Ngô Văn

T1 và bà Ngô Thị T4. Bà T4 (chết ngày 17/8/1993) có 03 người con là bà Nguyễn Thị Thái P, sinh năm 1991, bà Nguyễn Thị Thái D, sinh năm 1989 và bà Nguyễn Thị Thái P1, sinh năm 1987.

Khi còn sống, cụ Đỗ Thị M được Ủy ban nhân dân huyện T (nay là huyện B), tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 01968/QSDĐ ngày 16/9/2000 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 01907/QSDĐ/TU ngày 06/9/2000 đối với các thửa đất số 433, 434, 435, 436, 443, 444, tờ bản đồ 33, có tổng diện tích 13.029 m^2, tọa lạc tại ấp S, xã T, huyện T (nay là huyện B), tỉnh Bình Dương. Khi còn sống, cụ M đã chuyển nhượng các thửa đất số 433, 434, 435, 436, tờ bản đồ số 33 cho người khác.

Ngày 11/6/2004, cụ Đỗ Thị M đã lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho ông Ngô Văn Đ các thửa đất số 443, 444 tờ bản đồ 33, có diện tích 9.661 m^2. Việc tặng cho quyền sử dụng đất được thể hiện tại Đơn xin chuyển quyền sử dụng đất ngày 11/6/2004, được Ủy ban nhân dân xã T, huyện T (nay là huyện B), tỉnh Bình Dương xác nhận. Ngày 12/8/2004, Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02234/QSDĐ/TU cho hộ ông Ngô Văn Đ được quyền sử dụng đối với các thửa đất số 443, 444 tờ bản đồ số 33. Về tài sản gắn liền với đất là một căn nhà có kết cấu tường đất, nền đất, cột gỗ, mái ngói diện tích 75,5 m^2 và 475 cây cao su 16 năm tuổi. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất do cụ M tạo lập và thời điểm lập hợp đồng tặng cho thì cụ M tặng cho ông Đ toàn bộ đất và tài sản gắn liền với đất.

Năm 2006, ông T1 về sống với cụ M. Sau khi cụ M chết, ông T1 vẫn sống trên phần đất này và khai thác mủ cao su. Ông Đ và bà T yêu cầu ông T1 trả quyền sử dụng đất thuộc các thửa đất số 443, 444 tờ bản đồ 33, tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương nhưng ông T1 không đồng ý. Do đó, ông Đ và bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T1 phải trả lại quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa số 443 và 444, tờ bản đồ 33, tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương, được Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Bình Dương cấp Giấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02234/QSDĐ/TU ngày 12/8/2004 cho hộ ông Ngô Văn Đ. Đồng thời, buộc ông T1 phải chấm dứt hành vi khai thác trái phép mủ cao su trên phần đất tranh chấp.

Tại phiên tòa, ông Ngô Văn Đ và bà Hồ Thị T rút một phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu chấm dứt hành vi trái pháp luật đối với ông Ngô Văn T1. Đối với Đơn phản tố ngày 06/9/2019 của ông Ngô Văn T1 thì ông Đ và bà T không đồng ý với toàn bộ yêu cầu.

Bị đơn ông Ngô Văn T1 trình bày:

Ông Ngô Văn T1 thống nhất với lời khai của ông Đ về quan hệ huyết thống, về ngày chết của cụ Ngô Văn T3, cụ Đỗ Thị M, ông Ngô Văn C và bà Ngô Thị T4. Ngày 11/6/2004, cụ Đỗ Thị M có Đơn xin chuyển quyền sử dụng đối với các thửa đất số 443 và 444, tờ bản đồ số 33, tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương có tổng diện tích 9.661 m^2 cho hộ ông Ngô Văn Đ với điều kiện phải chăm sóc, phụng dưỡng cụ M. Từ năm 2005 cho đến khi cụ M chết, ông Đ và bà T không chăm sóc, phụng dưỡng cụ M. Trong thời gian cụ M bị bệnh, ông Đ cũng không hỏi thăm hay chăm sóc cho cụ M. Năm 2008, cụ M có văn bản đòi lại tài sản từ ông Đ gửi Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Bình Dương. Từ năm 2006, khi ông T1 về sống chung với cụ M thì ông T1 đã nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cụ M chết. Thời điểm không có tiền chữa bệnh cho cụ M thì ông T1 có mượn tiền của bà Đỗ Thị T2 và ông Ngô Anh D1 để chữa bệnh cho cụ M. Ông Ngô Văn T1 không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Văn Đ và bà Hồ Thị Tuyết .

Ngày 27/11/2012, ông Ngô Văn T1 có Đơn phản tố yêu cầu Tòa án giải quyết: Công nhận tờ di chúc do cụ Đỗ Thị M ký ngày 02/02/2010 với nội dung cho ông T1 quyền sử dụng đất có diện tích 9.451,6 m^2 thuộc các thửa đất số 443, 444, tờ bản đồ số 33, tọa lạc tại xã T, huyện T, tỉnh Bình Dương và toàn bộ tài sản gắn liền với đất là căn nhà gỗ mái ngói diện tích 75,5 m^2 và 475 cây cao su 16 năm tuổi; hủy Đơn xin chuyển quyền sử dụng đất ngày 11/6/2004 giữa cụ Đỗ Thị M và ông Ngô Văn Đ; kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện T (nay là huyện B) thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Ngô Văn Đ.

Ngày 20/6/2013, ông T1 có đơn phản tố bổ sung yêu cầu Tòa án chia di sản do cụ Đỗ Thị M để lại là các thửa đất số 443, 444, tờ bản đồ số 33 có diện tích 9.451,6 m^2, thuộc các thửa đất số 443, 444, tờ bản đồ số 33, tọa lạc tại xã T, huyện T (nay là huyện B), tỉnh Bình Dương và toàn bộ tài sản gắn liền với đất làm 03 phần, trong đó ông T1 được hưởng 02 phần.

Ngày 26/5/2016, ông T1 có Đơn phản tố bổ sung yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Ngô Văn Đ và các đồng thừa kế khác phải trả cho ông T1 số tiền 110.000.000 đồng là số tiền ông T1 đã mượn để chữa bệnh cho cụ M; yêu cầu được trích 25% giá trị di sản của cụ M để tính công sức nuôi dưỡng, lo đám tang và thờ cúng cụ M; yêu cầu được nhận di sản của cụ M bằng hiện vật là quyền sử dụng đất có căn nhà và ngôi mộ của cụ M.

Ngày 20/12/2016, ông T1 có đơn phản tố bổ sung yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02234/QSDĐ/TU do Ủy ban nhân dân huyện T (nay là huyện B) cấp ngày 12/8/2004 cho hộ ông Ngô Văn Đ.

Ngày 06/9/2019, ông Ngô Văn T1 có đơn phản tố bổ sung yêu cầu Tòa án giải quyết như sau: Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02234/QSDĐ/TU do Ủy ban nhân dân

huyện T (nay là huyện B) cấp ngày 12/8/2004 cho hộ ông Ngô Văn Đ; yêu cầu được trích 25% giá trị di sản của cụ Đỗ Thị M để tính công sức ông T1 và bà O đã nuôi dưỡng, chăm sóc, đám giỗ, thờ cúng cụ M; yêu cầu được nhận di sản của cụ Đỗ Thị M bằng quyền sử dụng đất có diện tích qua đo đạc thực tế 9.107,8 m^2 (trong đó có 400 m^2 đất ở và đã trừ ra phần diện tích đất mộ của cụ M) thuộc các thửa đất số 443, 444, tờ bản đồ số 33, tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương và toàn bộ tài sản gắn liền với đất là căn nhà cấp 04 có diện tích 98 m^2; 410 cây cao su, 01 cây bưởi, 01 cây mai, 01 cây khế, 01 cây lồng mứt, 01 cây cau với tổng trị giá 1.161.939.000 đồng. Ông T1 sẽ thanh toán cho ông Đ số tiền 290.484.750 đồng và những người thừa kế của bà Ngô Thị T4 số tiền 290.484.750 đồng; yêu cầu Tòa án trừ lối đi có chiều ngang 01 m, chiều dài khoảng 30 m từ ngoài đường đất để đi vào ngôi mộ của cụ M; ông T1 xác định diện tích 19,1 m^2 trên bản đồ địa chính thể hiện là đường đất nên không tranh chấp. Ông T1 xác định diện tích yêu cầu chia di sản thừa kế do cụ Đỗ Thị M để lại là 9.088,7 m^2 (trong đó đã trừ đi phần mộ của cụ M và phần đường đi được thể hiện trên bản đồ địa chính) và tài sản gắn liền với đất là căn nhà cấp bốn có diện tích 98 m^2; 410 cây cao su, 01 cây bưởi, 01 cây mai, 01 cây khế, 01 cây cau, 01 cây lòng mứt, ông T1 yêu cầu được nhận bằng quyền sử dụng đất và sẽ hoàn lại bằng tiền cho những người thừa kế của cụ M theo quy định của pháp luật. Đối với tài sản 01 sân bê tông gắn liền với 01 căn nhà cấp 04 do ông T1 xây dựng năm 2018 không còn giá trị sử dụng nên không tranh chấp. Đối với 01 cây cau đã chết nên ông T1 không tranh chấp; đối với 06 cây lồng mứt theo biên bản thẩm định ngày 21/3/2019 ông T1 không tranh chấp do là cây tự mọc và không có giá trị. Đối với số tiền ông T1 đã mượn của bà Đỗ Thị T2 và ông Ngô Anh D1: Do bà T2 và ông D1 không tranh chấp và cũng không có yêu cầu độc lập trong cùng vụ án nên ông T1 không có ý kiến.

Ngày 27/4/2020, ông T1 có đơn xin rút các Đơn phản tố ngày 27/11/2012, Đơn phản tố sửa đổi, bổ sung ngày 20/6/2013, Đơn phản tố ngày 26/5/2016 và Đơn phản tố sửa đổi, bổ sung ngày 20/12/2016 với lý do ông T1 xác định toàn bộ yêu cầu được thể hiện tại đơn phản tố sau cùng đã nộp vào ngày 06/9/2019.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thái D, bà Nguyễn Thị Thái P1 và bà Nguyễn Thị Thái P thống nhất trình bày:

Bà Nguyễn Thị Thái D, bà Nguyễn Thị Thái P1 và bà Nguyễn Thị Thái P là con của bà Ngô Thị T4, là cháu gọi cụ Đỗ Thị M là bà cố nội. Nguồn gốc của các thửa đất số 443 và 444, tờ bản đồ số 33, tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương là của cụ Đỗ Thị M. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp đối với các thửa đất số 443 và 444, tờ bản đồ số 33, tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương mang tên hộ ông Ngô Văn Đ nhưng ông Ngô Văn T1 là người đang trực tiếp quản lý, sử dụng. Ông Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Ngô Văn T1 trả lại quyền

sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc các thửa đất số 443 và 444, tờ bản đồ số 33, tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương có diện tích đo đạc thực tế 9.101 m^2 (trong đó diện tích đất tranh chấp theo kết quả đo đạc thực tế 9.120,1 m^2 trừ đi 19,1 m^2 thể hiện trên bản đồ địa chính là đường đất) và buộc ông T1 chấm dứt việc khai thác mủ cao su thì bà D, bà P1 và bà P không đồng ý.

Đối với Đơn yêu cầu phản tố của ông T1: Trường hợp bà Ngô Thị T4 được chia thừa kế thì bà D, bà P1 và bà P đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, chia cho bà D, bà P1 và bà P được hưởng phần tài sản của bà T4. Bà D, bà P1 và bà P xin được hưởng bằng hiện vật thống nhất diện tích và tài sản gắn liền với đất tranh chấp như ông T1 đã trình bày tại đơn phản tố. Bà D, bà P1 và bà P không tranh chấp đối với phần mộ của cụ M có diện tích 12,3 m^2 và phần diện tích con đường đi thể hiện trên bản đồ địa chính là 19,1 m^2. Đối với yêu cầu của ông T1 về mở lối đi chiều ngang 01 m, chiều dài khoảng 30 m vào ngôi mộ của cụ Đỗ Thị M thì bà D, bà P1 và bà P đồng ý.

Đối với yêu cầu của ông T1 yêu cầu Tòa án kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02234/QSDĐ/TU do Ủy ban nhân dân huyện T (nay là huyện B) cấp cho hộ ông Ngô Văn Đ ngày 12/8/2004, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đối với yêu cầu của ông T1 về việc được trích 25% giá trị (tương đương số tiền 290.484.750 đồng) di sản của cụ Đỗ Thị M để tính công sức ông T1 và bà O đã nuôi dưỡng, chăm sóc, đám giỗ, thờ cúng cụ M: Trường hợp ông T1 chứng minh được chi phí thực tế để nuôi dưỡng, chăm sóc, đám giỗ, thờ cúng cụ M thì bà D, bà P1 và bà P đồng ý sẽ trích ra một khoản tiền để trả cho ông T1. Sau khi trả cho ông T1 các chi phí thực tế thì di sản còn lại của cụ M đề nghị Tòa án chia theo pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị O trình bày:

Bà Phạm Thị O là vợ của ông Ngô Văn T1. Năm 2006, bà O và ông T1 về sống chung với cụ Đỗ Thị M tại các thửa đất số 443, 444, tờ bản đồ số 33, tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương. Từ năm 2006, bà O và ông T1 có chăm sóc, phụng dưỡng cụ M. Khi cụ M bị bệnh thì bà O và ông T1 cùng chăm sóc, mượn tiền chữa bệnh cho cụ M. Thời gian cụ M bị bệnh không thấy vợ chồng ông Đ, bà T về thăm cụ M nên bà O đề nghị Tòa án không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đ và bà T; chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của ông T1. Đối với công sức bà O đã phụng dưỡng, chăm sóc cho cụ M thì đề nghị Tòa án tính luôn cho ông T1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị T2 trình bày:

Năm 2009, cụ Đỗ Thị M là bà nội của ông T1 và ông Đ bị bệnh ung thư máu. Do hoàn cảnh gia đình khó khăn, không có tiền chữa trị cho cụ M nên ông T1 và bà O có mượn của bà T2 số tiền 30.000.000 đồng. Bà O và ông T1 đã trả cho bà T2 được số tiền 15.000.000 đồng, còn nợ số tiền 15.000.000 đồng. Đối với số tiền còn lại khi nào bà O và ông T1 có sẽ trả lại cho bà T2. Vụ án tranh chấp giữa ông Đ, bà T với ông T1 thì bà T2 không có ý kiến.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ngô Anh D1 trình bày:

Ông Ngô Anh D1 là người thu mua mủ cao su tại xã T. Năm 2009, cụ Đỗ Thị M là bà nội của ông T1 và ông Đ bị bệnh ung thư máu. Do hoàn cảnh khó khăn không có tiền chữa trị cho cụ M nên ông T1 có mượn của ông D1 nhiều lần với số tiền 78.000.000 đồng. Hiện tại, ông T1 đã trả hết số tiền trên cho ông D1. Vụ án tranh chấp giữa ông Đ, bà T với ông T1 thì ông D1 không có ý kiến.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ngô Trọng N và bà Ngô Ngọc L thống nhất trình bày:

Ông Ngô Trọng N và bà Ngô Ngọc L là con của ông Đ và bà T. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Đ và bà T: Ông N và bà L đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đ, bà T. Đối với yêu cầu phản tố của ông T1, do ông T1 chỉ là người ở nhờ trên phần nhà và đất thuộc quyền quản lý hợp pháp của ông Đ và bà T. Đồng thời, ông T1 không có gì chứng minh thể hiện ông được hưởng quyền thừa kế tài sản của cụ Đỗ Thị M nên ông N và bà L không đồng ý với toàn bộ yêu cầu phản tố của ông T1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn L1 trình bày:

Ông Nguyễn Văn L1 là người đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 448, tờ bản đồ số 33, tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương. Nguồn gốc của thửa đất do ông L1 nhận tặng cho từ bà Nguyễn Thị T5. Thửa đất số 448, tờ bản đồ số 33 giáp ranh với thửa đất số 443, tờ bản đồ số 33 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Ngô Văn Đ, ranh giới giữa hai bên sử dụng ổn định. Đối với diện tích 40,7 m^2 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông L1 nhưng thực tế ông Đ là người sử dụng là do chồng lấn ranh, ông L1 không tranh chấp diện tích này và ông L1 không có ý kiến đối với vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị R trình bày:

Bà Ngô Thị R là con riêng của bà Ngô Thị P2 với ông N (bà R không nhớ họ và địa chỉ cụ thể của ông N). Sau khi ông Ngô Văn C chết thì bà P2 chung sống với ông N và sinh ra bà Ngô Thị R. Bà R không có mối quan hệ họ hàng với ông Ngô Văn C. Bà Ngô Thị R là em cùng mẹ khác cha với bà Ngô Thị T4, ông Ngô

Văn Đ và ông Ngô Văn T1. Vụ án tranh chấp giữa ông Đ, bà T với ông T1 thì bà R đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị P2 trình bày:

Bà Ngô Thị P2 là vợ của ông Ngô Văn C, là con dâu của cụ Ngô Văn T3 và cụ Đỗ Thị M. Trong quá trình chung sống giữa bà P2 và ông C có 03 người con chung gồm bà Ngô Thị T4 (chết năm 1993), ông Ngô Văn Đ và ông Ngô Văn T1. Năm 1974, ông C chết thì bà P2 có sống chung như vợ chồng với ông Phạm Văn L2 (chết năm 2011). Quá trình chung sống giữa bà P2 với ông L2 có 01 người con chung tên Ngô Thị P4. Ngoài ra, bà P2 còn chung sống với ông N (không nhớ họ và địa chỉ cụ thể). Quá trình chung sống giữa bà P2 và ông N có 01 người con chung tên Ngô Thị R. Bà Ngô Thị P4 và bà Ngô Thị R không có mối quan hệ bà con, họ hàng với ông Ngô Văn C. Vụ án tranh chấp giữa ông Đ, bà T với ông T1 thì bà P2 đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị P4 trình bày:

Bà Ngô Thị P4 là con của bà Ngô Thị P2 và ông Phạm Văn L2 (chết năm 2011). Trước đó, bà Ngô Thị P2 và ông Ngô Văn C có 03 người con chung gồm: Bà Ngô Thị T4, ông Ngô Văn Đ và ông Ngô Văn T1. Năm 1974, ông Ngô Văn C chết thì bà Ngô Thị P2 chung sống với ông Phạm Văn L2 và có 01 người con chung tên Ngô Thị P4. Bà P4 không có mối quan hệ bà con, họ hàng với ông Ngô Văn C. Bà P4 là anh em cùng mẹ khác cha với ông Ngô Văn Đ, ông Ngô Văn T1 và bà Ngô Thị T4. Vụ án tranh chấp giữa ông Đ, bà T với ông T1 thì bà P4 đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương có ý kiến:

1. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01907 QSDĐ/TU cấp ngày 06/9/2000 cho cụ Đỗ Thị M đối với thửa đất số 433, 434, 435, 436, 443, tờ bản đồ số 33, tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương: Nguồn gốc sử dụng của thửa đất số 443, tờ bản đồ số 33 do khai hoang năm 1994. Các thửa đất số 433, 434, 435, 436 tờ bản đồ số 33 có nguồn gốc do ông bà để lại trước năm 1975 và được Ủy ban nhân dân xã T xác nhận ngày 23/12/1999. Trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01907 QSDĐ/TU ngày 06/9/2000 cho cụ Đỗ Thị M được thực hiện theo quy định tại Phần II Thông tư số 346/1998/TT-TCĐC ngày 16/3/1998 của T6 hướng dẫn thủ tục đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01907 QSDĐ/TU ngày 06/9/2000 cho cụ Đỗ Thị M không qua đo đạc thực tế, không lấy ý kiến của các chủ sử dụng đất liền kề.

2. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01968 QSDĐ/TU cấp ngày 06/9/2000 cho cụ Đỗ Thị M (Đối với thửa đất số 444, tờ bản đồ số 33, tọa lạc tại

xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương). Nguồn gốc sử dụng đất do khai hoang năm 1976 và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Bình Dương xác nhận ngày 23/12/1999. Trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01968 QSDĐ/TU cấp ngày 06/9/2000 cho cụ Đỗ Thị M được thực hiện theo quy định tại Phần II Thông tư số 346/1998/TT-TCĐC ngày 16/3/1998 của T6 hướng dẫn thủ tục đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01968 QSDĐ/TU ngày 06/9/2000 cho cụ Đỗ Thị M không qua đo đạc thực tế, không lấy ý kiến của các chủ sử dụng đất liền kề.

3. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02234 QSDĐ/TU cấp ngày 12/8/2004 cho hộ ông Ngô Văn Đ (Các thửa đất số 443, 444 tờ bản đồ số 33 tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương). Nguồn gốc sử dụng đất nhận chuyển nhượng từ cụ Đỗ Thị M theo đơn xin chuyển quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Bình Dương xác nhận ngày 01/6/2004. Trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02234 QSDĐ/TU cấp ngày 12/8/2004 cho hộ ông Ngô Văn Đ được thực hiện theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 17/1999/NĐ-CP cấp ngày 29/3/1999 của Chính phủ về việc chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế quyền sử dụng đất và thế chấp, góp vốn bằng quyền sử dụng đất. Tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02234 QSDĐ/TU cấp ngày 12/8/2004 cho hộ ông Ngô Văn Đ không qua đo đạc thực tế, không lấy ý kiến của các chủ sử dụng đất liền kề.

Ông Ngô Văn Đ yêu cầu Tòa án buộc ông Ngô Văn T1 trả lại quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 443, 444 tờ bản đồ số 33 tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương và ông T1 yêu cầu Tòa án kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02234 QSDĐ/TU cấp ngày 12/8/2004 cho hộ ông Ngô Văn Đ thì Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương sẽ thực hiện theo bản án đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 67/2011/DSST ngày 14/9/2011, Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương quyết định:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Ngô Văn Đ, bà Hồ Thị T đối với bị đơn ông Ngô Văn T1 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu chấm dứt hành vi trái pháp luật".

- Buộc ông Ngô Văn T1 phải trả lại cho hộ ông Ngô Văn Đ và bà Hồ Thị Tuyết q sử dụng đất, diện tích 9.541,6 m^2 thuộc thửa số 443 và thửa số 444, tờ bản đồ 33, đất tọa lạc tại ấp S, xã T, huyện T được Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02234/QSDĐ/TU cho ông Ngô Văn Đ vào ngày 12/8/2004.

- Tạm giao cho ông Ngô Văn Đ và bà Hồ Thị T được quyền quản lý sử dụng các loại tài sản trên diện tích 9.541,6 m^2 thuộc thửa số 443 và 444, tờ bản đồ 33 gồm: Giá trị 01 (một) căn nhà có kết cấu tường đất, cột cây gỗ mái ngói diện tích 75,5 m^2 và giá trị 475 cây cao su 16 năm tuổi.

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo.

Ngày 21 tháng 9 năm 2011, bị đơn ông Ngô Văn T1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 56/2012/DS-PT ngày 13/4/2012, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương quyết định:

Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 67/2011/DSST ngày 14/9/2011 của Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên. Chuyển giao toàn bộ hồ sơ vụ án về Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên giải quyết lại vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 39/2014/DS-ST ngày 16/12/2014, Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương quyết định:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Văn Đ và bà Hồ Thị T về việc buộc ông Ngô Văn T1 phải trả lại cho ông Ngô Văn Đ và bà Hồ Thị Tuyết q sử dụng đất theo đo đạc thực tế diện tích là 9.541,6 m^2 thuộc thửa số 443 và 444, tờ bản đồ 33, đất tọa lạc tại ấp S, xã T, huyện T được Ủy ban nhân dân huyện T (cũ) cấp Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất số 02234/QSDĐ/TU cho hộ ông Ngô Văn Đ vào ngày 12/8/2004.

2. Đình chỉ yêu cầu phản tố của ông Ngô Văn T1 về việc yêu cầu Tòa án công nhận Tờ di chúc ngày 02/02/2010 do cụ M lập cho ông toàn quyền sử dụng đối với thửa số 443 và 444, tờ bản đồ 33 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T và sở hữu tài sản gắn liền với đất.

3. Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Ngô Văn T1 về việc chia di sản thừa kế của cụ Đỗ Thị M theo pháp luật.

4. Không chấp nhận yêu cầu của ông Ngô Văn T1 về việc trích cho ông T1 20% công sức giữ gìn di sản của cụ Đỗ Thị M.

Phân chia di sản thừa kế của cụ Đỗ Thị M gồm có quyền sử dụng đất đối với 02 thửa đất 443 và 444, tờ bản đồ 33 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B và sở hữu tài sản gắn liền với đất có tổng trị giá 1.211.436.000 đồng.

Giao cho ông Ngô Văn T1 được tiếp tục quản lý, sử dụng quyền sử dụng đất đối với 02 thửa đất 443 và 444, tờ bản đồ 33 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B và sở hữu tài sản gắn liền với đất gồm có: 400 m^2 đất thổ cư; 1429,2 m^2 đất trồng cây

lâu năm; 01 căn nhà cấp 4 diện tích 50,4 m^2 có kết cấu cột gỗ, mái ngói mốc, nền đất, vách đất, 01 mái che diện tích 47,6 m^2 kết cấu cột gỗ, mái tôn, nền đất, không vách; 01 giếng đất; 01 giếng khoan; 01 giếng đào, 02 cây lồng mứt, 01 cây khế, 01 cây mít, 05 cây chuối; 12 nọc tiêu, 01 cây mai, 01 cây bưởi, 01 cây cau thuộc thửa đất 443 tờ bản đồ 33 và quyền sử dụng đất có diện tích đo thực tế là 7.290.9 m^2 gắn liền với 470 cây cao su (trên 10 năm tuổi) thuộc thửa đất số 444, tờ bản đồ số 33. (Có sơ đồ bản vẽ kèm theo), tứ cận: Đông giáp: Thửa 448 và mương thoát nước; Tây giáp đường đất; Bắc giáp thửa thửa 441,442; Nam giáp 445,446.

Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện B thu hồi Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất số 02234/QSDĐ/TU do Ủy ban nhân dân huyện T (cũ) cấp cho ông Ngô Văn Đ vào ngày 12/8/2004.

Ông Ngô Văn T1 có trách nhiệm liên hệ cơ quan có thẩm quyền để xin cấp lại Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 02 thửa đất 443 và 444, tờ bản đồ 33 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B theo pháp luật về đất đai.

5. Buộc ông Ngô Văn T1 có trách nhiệm giao lại cho ông Ngô Văn Đ số tiền được chia di sản thừa kế là 431.359.866 đồng.

6. Buộc ông Ngô Văn T1 có trách nhiệm giao lại cho bà Nguyễn Thị Thái P1, bà Nguyễn Thị Thái D, Nguyễn Thị Thái P số tiền được chia di sản thừa kế là 310.216.266 đồng.

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo.

Ngày 24/12/2014, nguyên đơn ông Ngô Văn Đ và bà Hồ Thị T kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm.

Ngày 26/12/2014, bị đơn ông Ngô Văn T1 kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 154/2015/DS-ST ngày 10/9/2015, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương quyết định:

1. Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Ngô Văn Đ và bà Hồ Thị Tuyết .

2. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 39/2014/DS-ST, ngày 16/12/2014 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

3. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương giải quyết lại vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2021/DS-ST ngày 05/02/2021, Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên quyết định:

1. Đình chỉ yêu cầu chấm dứt hành vi trái pháp luật của ông Ngô Văn Đ và bà Hồ Thị T đối với ông Ngô Văn T1.

2. Đình chỉ yêu cầu phản tố của ông Ngô Văn T1 tại các đơn phản tố ngày 27/11/2012, đơn phản tố sửa đổi bổ sung ngày 20/6/2013, đơn phản tố bổ sung ngày 26/5/2016 và đơn phản tố sửa đổi, bổ sung ngày 20/12/2016.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Văn Đ và bà Hồ Thị T về việc buộc ông Ngô Văn T1 phải trả lại quyền sử dụng đất có diện tích 9.065,5 m^2 (trong đó diện tích theo kết quả đo đạc thực tế 9.120,1 m^2 trừ đi 19,1 m^2 là đường đất; 12,3 m^2 là diện tích ngôi mộ của cụ M; 23,2 m^2 là diện tích đường vào ngôi mộ) được Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02234/QSDĐ/TU cho hộ ông Ngô Văn Đ ngày 12/8/2004 và tài sản gắn liền với đất gồm: 01 ngôi nhà cấp 04 có kết cấu tường đất, nền đất, cột gỗ, mái ngói; 410 cây cao su; 01 cây bưởi; 01 cây mai; 01 cây khế.

4. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Ngô Văn T1 về việc chia di sản thừa kế của cụ Đỗ Thị M theo pháp luật.

Xác định quyền sử dụng có diện tích 9.065,5 m^2 (trong đó diện tích đất tranh chấp theo kết quả đo đạc thực tế 9.120,1 m^2 trừ đi 19,1 m^2 là đường đất; 12,3 m^2 là diện tích ngôi mộ của cụ M; 23,2 m^2 là diện tích đường vào ngôi mộ) thuộc các thửa đất số 443 và 444, tờ bản đồ số 33, tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương và các tài sản gắn liền với đất gồm: 01 ngôi nhà cấp 4 có kết cấu tường đất, nền đất, cột gỗ, mái ngói; 410 cây cao su; 01 cây bưởi; 01 cây mai; 01 cây khế là di sản do cụ M để lại. Phân chia di sản thừa kế của cụ Đỗ Thị M như sau:

- Ông Ngô Văn Đ được chia diện tích đất 3.635,7 m^2 (bao gồm một phần thửa đất số 443 và một phần thửa đất số 444, trong đó có 200 m^2 đất ở thuộc thửa đất số 444). Phần đất có tứ cận như sau: Phía Bắc giáp một phần thửa đất số 443; phía Tây giáp đường đất; phía Nam giáp một phần thửa đất số 443 và 444; phía Đông giáp thửa đất số 448 và mương (ký hiệu là A).

- Ông Ngô Văn T1 được chia diện tích đất 3.635,7 m^2 (Bao gồm một phần thửa đất số 443 và một phần thửa đất số 444, trong đó có 200 m^2 đất ở thuộc thửa đất số 444), sau khi đã trừ ra diện tích ngôi mộ và đường vào ngôi mộ của cụ M. Phần đất có tứ cận như sau: Phía Bắc giáp một phần thửa đất số 443; phía Tây giáp đường đất; phía Nam giáp một phần thửa đất số 445, 446 và đường vào ngôi mộ; phía Đông giáp thửa đất số 448 (Ký hiệu là B).

- Bà Nguyễn Thị Thái P1, bà Nguyễn Thị Thái P, bà Nguyễn Thị Thái D cùng được chia diện tích đất 1.794,1 m^2 (thuộc một phần thửa đất số 443). Phần đất có tứ cận như sau: Phía Bắc giáp một phần thửa đất số 441 và 442; phía Tây

giáp đường đất; phía Nam giáp một phần thửa đất số 443; phía Đông giáp mương (ký hiệu là C).

Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02234/QSDĐ/TU do Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho hộ ông Ngô Văn Đ ngày 12/8/2004 để làm thủ tục cấp lại cho ông Ngô Văn Đ, ông Ngô Văn T1, bà Nguyễn Thị Thái P, bà Nguyễn Thị Thái P1, bà Nguyễn Thị Thái D theo quyết định của Tòa án.

Ông Ngô Văn Đ, ông Ngô Văn T1, bà Nguyễn Thị Thái P, bà Nguyễn Thị Thái P1, bà Nguyễn Thị Thái D được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để đăng ký xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của Tòa án.

5. Không chấp nhận yêu cầu của ông Ngô Văn T1 về việc trích cho ông T1 25% công sức giữ gìn di sản của cụ Đỗ Thị M.

6. Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Ngô Văn T1 về việc yêu cầu Tòa án trừ lối đi từ ngoài đường đất để đi vào ngôi mộ của cụ Đỗ Thị M có diện tích 23,2 m^2 (ký hiệu là D).

Ông Ngô Văn Đ, ông Ngô Văn T1, bà Nguyễn Thị Thái P, bà Nguyễn Thị Thái P1, bà Nguyễn Thị Thái D được chia quyền sử dụng đất thì được quyền quản lý, sử dụng đối với tài sản gắn liền với đất (trong đó ông Ngô Văn T1 được quyền sử dụng đất có ngôi nhà của cụ M, có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo.

Ngày 08/02/2021, bị đơn ông Ngô Văn T1 kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng trích 25% di sản của cụ M để tính công sức cho vợ chồng ông T1; ông T1 yêu cầu được nhận toàn bộ di sản của cụ M bằng hiện vật; không chấp nhận chia cho ông Đ 40% di sản của cụ M.

Ngày 18/02/2021, nguyên đơn ông Ngô Văn Đ, bà Hồ Thị T kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 11/2022/DS-PT ngày 07/01/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương quyết định:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của nguyên đơn ông Ngô Văn Đ và bà Hồ Thị Tuyết .

2. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Ngô Văn T1.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2021/DS-ST ngày 05/02/2021 của Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương như sau:

2.1. Đình chỉ yêu cầu chấm dứt hành vi trái pháp luật của ông Ngô Văn Đ và bà Hồ Thị T đối với ông Ngô Văn T1.

2.2. Đình chỉ yêu cầu phản tố của ông Ngô Văn T1 tại các đơn phản tố ngày 27/11/2012, đơn phản tố sửa đổi bổ sung ngày 20/6/2013, đơn phản tố bổ sung ngày 26/5/2016 và đơn phản tố sửa đổi, bổ sung ngày 20/12/2016.

2.3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Văn Đ và bà Hồ Thị T về việc buộc ông Ngô Văn T1 phải trả lại quyền sử dụng đất có diện tích 9.661 m^2, theo kết quả đo đạc thực tế có diện tích 9.120,1 m^2, thuộc thửa số 443 và 444, tờ bản đồ 33, tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương được Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02234/QSDĐ/TU cho hộ ông Ngô Văn Đ ngày 12/8/2004 và tài sản gắn liền với đất.

2.4. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn ông Ngô Văn T1 đối với nguyên đơn ông Ngô Văn Đ về việc "Tranh chấp về thừa kế tài sản". Chia di sản thừa kế của cụ Đỗ Thị M để lại là quyền sử dụng theo kết quả đo đạc thực tế có diện tích 9.120,1 m^2, thuộc các thửa đất số 443 và 444, tờ bản đồ số 33, tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương và các tài sản gắn liền với đất như sau:

- Công nhận sự thỏa thuận giữa bà Nguyễn Thị Thái P, bà Nguyễn Thị Thái P1, bà Nguyễn Thị Thái D với ông Ngô Văn T1 về việc đồng ý giao toàn bộ diện tích 1.794,1 m^2 cho ông Ngô Văn T1 được hưởng, ông T1 có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị Thái P, bà Nguyễn Thị Thái P1, bà Nguyễn Thị Thái D số tiền là 1.200.000.000 đồng (một tỷ hai trăm triệu đồng). Phương thức thanh toán chia làm 02 đợt: Đợt 01 vào ngày 25/01/2022 với số tiền là 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng), đợt 02 vào ngày 01/6/2022 với số tiền là 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng).

- Ông Ngô Văn T1 được chia tổng diện tích đất 5.901,1 m^2 (trong đó có diện tích 200m^2 đất ở) và được quyền sở hữu các tài sản gồm có 01 căn nhà có kết cấu tường đất, nền đất, cột gỗ, mái ngói có diện tích 50,4 m^2; mái che có diện tích 47,6 m^2 và toàn bộ cây trồng gắn liền trên đất (ký hiệu là A trên sơ đồ bản vẽ kèm theo).

- Tạm giao cho ông Ngô Văn T1 được quyền quản lý diện tích lối đi từ ngoài đường đất để đi vào ngôi mộ của cụ Đỗ Thị M có diện tích 23,2 m^2 và ngôi mộ của cụ M có diện tích 12,3 m^2 (ký hiệu là B trên sơ đồ bản vẽ kèm theo).

- Ông Ngô Văn Đ được chia diện tích đất 3.183,5 m^2 (trong đó có 200 m^2 đất ở) và được quyền sở hữu toàn bộ cây trồng gắn liền trên đất (ký hiệu là C trên sơ đồ bản vẽ kèm theo).

Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02234/QSDĐ/TU do Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho

hộ ông Ngô Văn Đ ngày 12/8/2004 để làm thủ tục cấp lại cho ông Ngô Văn Đ và ông Ngô Văn T1 theo nội dung của phần quyết định này.

Ông Ngô Văn Đ và ông Ngô Văn T1 có trách nhiệm tự liên hệ cơ quan có thẩm quyền để đăng ký xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

2.5. Không chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn ông Ngô Văn T1 về việc yêu cầu trích cho ông Ngô Văn T1 15% công sức giữ gìn di sản của cụ Đỗ Thị M.

Ngoài ra, bản án dân sự phúc thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng lãi suất do chậm thi hành án, quyền, nghĩa vụ thi hành án.

Ông Ngô Văn Đ và bà Hồ Thị T có đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với bản án dân sự phúc thẩm.

Ông Hồ Văn C1 và ông Trần Hồng B1 là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn có đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với bản án dân sự phúc thẩm.

Tại Quyết định số 114/QĐKNGĐT-VKS-DS ngày 09 tháng 6 năm 2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị giám đốc thẩm đối với bản án dân sự phúc thẩm nêu trên, đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử giám đốc thẩm hủy bản án dân sự phúc thẩm và hủy bản án dân sự sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên giải quyết lại theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh chấp nhận Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguồn gốc đất tranh chấp thuộc thửa đất số 443 và 444, tờ bản đồ 33, diện tích 9.661 m^2 (đo đạc thực tế là 9.120,1 m^2), tọa lạc tại ấp S, xã T, huyện T (nay là huyện B), tỉnh Bình Dương là của cụ M, được Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 01907/QSDĐ/TU ngày 06/9/2000.

[2] Chồng và con trai cụ M chết vào các năm 1974 và 1979 nên cụ M sống chung với ông Đ (cháu nội) trên căn nhà cấp 4 được xây dựng trên thửa đất 443, 444 từ những năm 1989. Năm 1990, ông Đ kết hôn với bà T, cả hai cùng sống chung với cụ M. Hơn 450 cây cao su trên thửa đất số 443, 444 là của cụ M nhưng

ông Đ là người trồng, chăm sóc cây và khai thác mủ cho cụ M. Tiền thu hoạch từ việc cạo mủ cao su thì cụ M quản lý và sử dụng cá nhân, còn vợ chồng ông Đ chỉ nhận tiền công cạo mủ. Trong thời gian sinh sống chung, giữa vợ chồng ông Đ và cụ M không có mâu thuẫn gì xảy ra. Xuất phát từ mối quan hệ tình cảm bà cháu, năm 2004, cụ M tự nguyện tặng cho quyền sử dụng 02 thửa đất 443, 444 cho hộ ông Đ, đồng thời tặng cho ông Đ quản lý, sử dụng toàn bộ tài sản gắn liền với đất. Ngày 11/6/2004, cụ Đỗ Thị M đã làm đơn xin chuyển quyền sử dụng các thửa đất số 443, 444 cho ông Ngô Văn Đ và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện T xác nhận. Ngày 12/8/2004, Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02234/QSDĐ/TU cho hộ ông Ngô Văn Đ. Toàn bộ tài sản gắn liền với đất gồm một căn nhà cấp 4 và 475 cây cao su 16 năm tuổi do cụ M tạo lập và cụ M tặng cho ông Đ toàn bộ đất và tài sản gắn liền với đất.

[3] Xét thấy, Tại Công văn số 515/TNMT ngày 25/11/2010 của Phòng Tài nguyên Môi trường huyện T khẳng định việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Đỗ Thị M và hộ ông Ngô Văn Đ là đúng trình tự, thủ tục và thực hiện đúng quy định của pháp luật. Như vậy, tại thời điểm được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hộ ông Ngô Văn Đ là chủ sử dụng hợp pháp đối với các thửa đất 443, 444. Cụ Một không còn là chủ sử dụng hợp pháp để định đoạt hai thửa đất trên. Do đó, Tòa án hai cấp xác định các thửa đất số 443, 444 và các tài sản gắn liền với đất là di sản thừa kế do cụ Đỗ Thị M để lại và chia thừa kế là không phù hợp với tình tiết khách quan của vụ án.

[4] Về việc Tòa án hai cấp cho rằng ông Ngô Văn Đ vi phạm cam kết ngày 10/6/2004 do không chăm sóc, phụng dưỡng cụ Ngô Thị Một k ốm đau:

Tháng 8/2006, ông Ngô Văn T1 (em ông Đ) về sống chung với cụ M và vợ chồng ông Đ. Ông T1 còn đưa bà Phạm Thị O (đến năm 2011 mới đăng ký kết hôn với ông T1) cùng về sinh sống với cụ M. Ông Đ cho rằng do phát sinh mâu thuẫn với vợ chồng ông T1 nên vợ chồng ông Đ dọn nhà về xã C sinh sống, nhưng vẫn thường xuyên ghé lại phụ giúp, chăm sóc cụ M. Năm 2009, cụ M (90 tuổi) nhập viện do ung thư máu, ông T1 là người chăm sóc cụ M tại bệnh viện, vợ chồng ông Đ có đến thăm, việc không ở lại bệnh viện là do bệnh viện chỉ cho phép một người thân. Đến năm 2010, cụ M mất.

Xét thấy, lời trình bày trên của vợ chồng ông Đ phù hợp với lời khai của nhiều nhân chứng do Tòa án cấp sơ thẩm thu thập như lời khai bà Đỗ Thị L3 ngày 08/11/2016; Lời khai ông Đỗ Hiệp H ngày 08/11/2016; Lời khai bà Nguyễn Thị L4 ngày 08/11/2016; Lời khai ông Nguyễn Văn Đ1 ngày 02/12/2016.

Như vậy, thời gian ông T1 sinh sống với cụ M là 04 năm (từ 2006 đến 2010 khi cụ M mất), thì thời gian vợ chồng ông Đ sinh sống, chăm sóc cụ M là hơn 20 năm (1990-2010), trong đó có hơn 16 năm trực tiếp chăm sóc cụ M và 04 năm

cuối mặc dù không ở chung nhưng vợ chồng ông Đ vẫn thường xuyên đến nhà thăm nom, chăm sóc, phụng dưỡng cụ M. Trong 02 tháng cụ M điều trị tại bệnh viện (từ ngày 13/12/2009 đến ngày 03/2/2010), vợ chồng ông Đ không trực tiếp chăm sóc cụ M là do nguyên nhân khách quan và không thể lấy 02 tháng này để phủ nhận công lao 20 năm vợ chồng ông Đ đã chăm sóc cụ M. Do đó, không có cơ sở cho rằng vợ chồng ông Đ vi phạm điều kiện là không chăm sóc phụng dưỡng cụ Một khi ốm đau như cam kết ngày 10/6/2004.

Tòa án hai cấp chỉ căn cứ lời khai của ông T1 cho rằng vợ chồng ông Đ vi phạm Bản cam kết ngày 10/6/2004, không chăm sóc, phụng dưỡng cụ M, dẫn đến giao dịch tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ M và ông Đ bị hủy bỏ là không phù hợp với tình tiết khách quan của vụ án, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Đ, bà T.

[5] Từ những phân tích nêu trên, xét thấy có căn cứ để chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 114/QĐKNGĐT-VKS-DS ngày 09 tháng 6 năm 2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 337 và Điều 343 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015,

[1] Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 114/QĐKNGĐT-VKS-DS ngày 09 tháng 6 năm 2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Hủy Bản án dân sự phúc thẩm số 11/2022/DS-PT ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương và hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2021/DS-ST ngày 05 tháng 02 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, về vụ án "Tranh chấp về thừa kế tài sản", giữa nguyên đơn là ông Ngô Văn Đ, bà Hồ Thị T với bị đơn là ông Ngô Văn T1 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên giải quyết lại theo quy định pháp luật.

[3] Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:
- Chánh án TANDCC tại TP. HCM (để báo cáo);
- Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học TANDTC;
- VKSNDCC tại TP. HCM;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- TAND huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (kèm HSVA);
- Chi cục THADS huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu Phòng LTHS, HS, THS (AQ).

TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Văn Khoa